|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**THAM LUẬN**

**Kết quả, các mô hình tiêu biểu và bài học kinh nghiệm đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp**

**và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Long An**

Được sự cho phép của Ban Tổ chức Hội nghị toàn quốc Tổng kết 10 năm thực hiện Đề án “An ninh lương thực quốc gia đến năm 2020”, UBND tỉnh Long An xin báo cáo **“Kết quả, các mô hình tiêu biểu và bài học kinh nghiệp đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Long An”**.

***Kính thưa quý vị đại biểu!***

Long An là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, phía Bắc giáp tỉnh Tây Ninh và Vương quốc Campuchia, phía Đông giáp Thành phố Hồ Chí Minh, phía Nam giáp tỉnh Tiền Giang và phía Tây giáp tỉnh Đồng Tháp. Tỉnh Long An có 15 đơn vị hành chính trực thuộc, với diện tích tự nhiên 4.492,397 km2 *(trong đó, đất nông, lâm nghiệp trên 313.000ha)*.

Thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Long An là phát triển nông, lâm, ngư nghiệp kết hợp với những cây trồng, vật nuôi chủ lực như: Lúa, thanh long, chanh, rau màu các loại, khoai mỡ, bò sữa, bò thịt, tôm nước lợ….

Trong những năm qua, tỉnh Long An đã tập trung triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng chuyển đổi cây trồng có năng suất, chất lượng cao phù hợp với thị trường tiêu thụ, đặc biệt là triển khai thực hiện Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; thực hiện tốt công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật, các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; công tác dự tính, dự báo về tình hình sâu bệnh,…. được thực hiện chặt chẽ, kịp thời và thường xuyên.

**1. Kết quả đạt được**

**a) Quy hoạch vùng sản xuất dựa trên cơ sở phát huy lợi thế từng vùng:**

Trên cơ sở nhu cầu thị trường, lợi thế của từng vùng và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả đất nông nghiệp, tỉnh đã phê duyệt và triển khai lập Quy hoạch phát triển nông, lâm, ngư nghiệp tỉnh Long An đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và các đề án quan trọng, làm cơ sở để tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng vùng sản xuất *(hệ thống thủy lợi, đường giao thông, điện...)* và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân. Đến nay, đã hình thành các vùng sản xuất hàng hóa nông sản tập trung theo lợi thế của từng vùng sinh thái, phù hợp xu thế phát triển thị trường, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trong chuỗi giá trị sản phẩm; tập trung tái cơ cấu, bố trí mùa vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản chất lượng cao; gắn sản xuất với chế biến, đáp ứng nhu cầu thị trường,…

**b) Kết quả thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp:**

- Lĩnh vực trồng trọt: Đến nay, lúa vẫn là cây trồng chính của tỉnh, chiếm ưu thế cả về năng suất, chất lượng với sản lượng bình quân hàng năm trên 2,7 triệu tấn; trong đó, lúa chất lượng cao chiếm 50% tổng sản lượng lúa. Toàn tỉnh có trên 70% diện tích gieo sạ sử dụng giống xác nhận, giống lúa IR 50404 duy trì mức trên dưới 10%. Nhiều loại cây trồng được chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và Global GAP. Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp tiếp tục được quan tâm chú trọng phát triển giúp cho sản xuất chủ động hơn, giảm thất thoát, giảm chi phí, nâng cao chất lượng nông sản và tăng lợi nhuận cho người dân. Tuy nhiên, tỷ lệ ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ ở một số khâu trên cây trồng cạn vẫn còn thấp, chưa đồng bộ như lên liếp, tưới tiết kiệm, chăm sóc và thu hoạch. Đã hình thành vùng sản xuất lúa ứng dụng công nghệ cao ở các huyện Đồng Tháp Mười với tổng diện tích khoảng 20.000 ha, vùng rau 2.000 ha, vùng thanh long 2.000 ha([[1]](#footnote-1)), các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao đã tiết kiệm được chi phí, tăng lợi nhuận so với ngoài mô hình([[2]](#footnote-2)). Ngoài ra, nhiều mô hình sản xuất hiệu quả cũng được thực hiện như: Mô hình cánh đồng lớn, mô hình 3 giảm 3 tăng, mô hình 1 phải 5 giảm, mô hình cộng đồng quản lý rầy nâu, vàng lùn - lùn xoắn lá….

- Lĩnh vực chăn nuôi: Đã hình thành vùng chăn nuôi bò thịt ứng dụng công nghệ cao tại huyện Đức Hòa và Đức Huệ. Đến nay, đã hỗ trợ xây dựng 10 mô hình điểm chăn nuôi bò thịt thực hiện ứng dụng công tác quản lý sản xuất chăn nuôi theo quy trình VietGAHP, công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi trên địa bàn huyện Đức Hòa; ứng dụng công nghệ giống trong chăn nuôi bò thịt bằng hình thức thụ tinh nhân tạo nhằm nâng cao tầm vóc và chất lương đàn bò thịt. Nhiều hộ nông dân đã có chuyển biến tích cực trong nhận thức, quan tâm đến dinh dưỡng, sử dụng giống cỏ tốt, có năng suất cao trong chăn nuôi và chỉnh trang chuồng trại.

- Lĩnh vực thủy sản: Qua triển khai thực hiện tái cơ cấu trên lĩnh vực thủy sản, tình hình nuôi trồng thủy sản đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, nhất là sau khi triển khai thực hiện các chính sách trên lĩnh vực thủy sản như: Chính sách khuyến khích phát triển thủy sản vùng Đồng Tháp Mười *(ban hành năm 2012)*, Chính sách hỗ trợ mô hình đầu tư xây dựng ao lắng trong nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh *(năm 2014)*, Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh *(ban hành năm 2011)* đã góp phần thúc đẩy thủy sản vùng Đồng Tháp Mười phát triển, hạn chế dịch bệnh trên tôm nước lợ.

Về xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao: Đã hỗ trợ 02 mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao *(sử dụng bạt lót, siphon đáy, nuôi tôm 02 giai đoạn)* có hiệu quả kinh tế cao, năng suất cao đạt bình quân 5-7 tấn/ha, đồng thời hỗ trợ nhân rộng các mô hình nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao trong dân. Kết quả cho thấy, hiệu quả mô hình ứng dụng công nghệ cao vượt trội so với nuôi truyền thống như: Hạn chế được dịch bệnh và sốc môi trường nước, năng suất tăng gấp đôi so với cách nuôi thông thường, lợi nhuận tăng cao. Đặc biệt có hộ với diện tích từ 0,4 ha cho thu lãi trên 500 triệu đồng.

**c) Công tác nghiên cứu chuyển giao khoa học công nghệ** vào nông nghiệp được tỉnh quan tâm thực hiện; hàng năm, có trên 30.000 lượt nông dân được chuyển giao kỹ thuật sản xuất lúa theo hướng “3 giảm 3 tăng”, “1 phải 5 giảm”, sản xuất theo hướng hữu cơ. Công tác khảo nghiệm, trình diễn, thử nghiệm giống lúa mới được chú trọng. Bình quân mỗi năm giới thiệu, quảng bá 5 - 6 giống lúa mới bổ sung vào cơ cấu giống của địa phương. Trên lĩnh vực chăn nuôi, công tác gieo tinh nhân tạo luôn được chú trọng tuyên truyền quảng bá nhằm cải thiện nhanh chất lượng đàn giống. Giống heo được cải thiện nhanh thông qua các chương trình, dự án hỗ trợ heo cái giống hậu bị cho người chăn nuôi từ nguồn giống của Trung tâm Giống vật nuôi Long An, các trại giống ở Bình Dương, TP.HCM. Trên lĩnh vực thủy sản, thực hiện mục tiêu cải thiện chất lượng và đa dạng hóa giống thủy sản và đã có nhiều tác động tích cực trong việc chuyển giao thông tin kỹ thuật, cung ứng giống chất lượng tốt giúp nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế cho người nuôi. Các hoạt động nghiên cứu, hướng dẫn chọn lọc các loài tôm, cá, thủy đặc sản có triển vọng kinh tế và phù hợp với đặc điểm sinh thái, điều kiện đầu tư của nông dân các địa phương cũng được đẩy mạnh đã giúp đa dạng hóa chủng loài thủy sản của địa phương, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ của thị trường.

**d) Hệ thống thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn** được tỉnh tập trung thực hiện. Đến nay, cơ sở hạ tầng thủy lợi của tỉnh đã được củng cố, đầu tư khá đồng bộ và theo hướng đa mục tiêu, phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với mục tiêu tái cơ cấu Ngành. Toàn tỉnh có 399 km kênh trục chính *(12 kênh)*; 2.500 km kênh cấp I; 2.200 km kênh cấp II. Có 174 trạm bơm điện, trong đó, 167 trạm bơm điện nhỏ ĐTM với tổng diện tích phục vụ 26.2940 ha. Có 1.136 ô đê bao khép kín, chiều dài 3.349 km, bảo vệ cho trên 95.300 ha và 201 ô bao chưa ô bao khép kín, chiều dài 673km, diện tích bảo vệ khoảng 29.527ha. Có 16 cống lớn tập trung chủ yếu ở khu vực phía Nam Đồng Tháp Mười và nhiều công trình, dự án thủy lợi quan trọng đã được đầu tư hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng đã đáp ứng được trên 90% yêu cầu tưới tiêu, ngăn mặn và 60% yêu cầu chống lũ sớm.

**đ) Công tác đầu tư xây dựng nông thôn mới** luôn được tỉnh chú trọng, nhất là công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng các chủ trương, chính sách về xây dựng NTM và tái cơ cấu ngành nông nghiệp cho cả hệ thống chính trị và người dân nắm vững, chủ động và tự giác tham gia. Đến nay, toàn tỉnh có 77 xã chuẩn nông thôn mới, chiếm 46,4% tổng số xã toàn tỉnh; số tiêu chí đạt bình quân/xã là 15,2 tiêu chí và không còn xã đạt dưới 9 tiêu chí. Hiện tại, tỉnh Long An có 01 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới *(huyện Châu Thành – theo Quyết định số 256/QĐ-TTg ngày 14/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ)* và đã hoàn chỉnh hồ sơ trình Trung ương công nhận thành phố Tân An hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

**e) Công tác xúc tiến thương mại và quản lý chất lượng nông sản**

Công tác xúc tiến thương mại đã được tập trung triển khai bằng nhiều hình thức để quảng bá, giới thiệu và tìm đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp. Hỗ trợ các HTX, doanh nghiệp tham gia Phiên chợ nông sản an toàn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố; các doanh nghiệp, Hợp tác xã tham gia Hội nghị kết nối cung cầu, hội chợ triển lãm, festival, hỗ trợ các HTX đưa sản phẩm tham gia “ngày Hội Tam Nông và Sản phẩm Làng nghề”….

Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được 22 điểm bán nông sản an toàn và 17 chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn. Toàn tỉnh có 369,5 ha lúa, 114,11 ha rau, 537,1 ha quả được chứng nhận VietGAP, GlobalGAP, 03 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP, 02 hộ nuôi thủy sản được chứng nhận VietGAP. Đang tiếp tục triển khai hỗ trợ HTX sản xuất thanh long – Châu Thành sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP với diện tích 270 ha; có 9.897 ha thanh long, 3.362 ha dưa hấu, 190 ha chuối được cấp mã số vùng trồng; 120 cơ sở đóng gói hoa quả được cấp mã số. Đã hỗ trợ tem truy xuất nguồn gốc cho 03 doanh nghiệp, HTX sản xuất, kinh doanh gạo, rau; đang tiếp tục triển khai hỗ trợ 07 doanh nghiệp, HTX tham gia chuỗi tem truy xuất nguồn gốc.

**2. Đánh giá chung**

**a) Thành tựu:**

Qua 10 năm thực hiện Nghị quyết số 63/NQ-CP về đảm bảo an ninh lương thực quốc gia, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh có chuyển biến tích cực, tốc độ tăng trưởng nông, lâm, ngư nghiệp bình quân giai đoạn 2010-2015 đạt 3,9%/năm, giai đoạn 2016-2019 đạt 2,3%; cơ cấu nội bộ Ngành có chuyển dịch tích cực theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả; bước đầu đã hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Các quy hoạch chuyên ngành được xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả; công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật được quan tâm thực hiện; các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn tiếp tục được đổi mới, phát triển. Kết cấu hạ tầng kinh tế kỹ thuật được quan tâm tập trung đầu tư, cơ giới hóa trong nông nghiệp có bước phát triển mạnh đã góp phần vào sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp, đời sống cho nông dân, bộ mặt nông thôn được đổi mới.

**b) Những vấn đề còn tồn tại trong việc đảm bảo an ninh lương thực ở địa phương:**

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân ở một số địa phương chỉ dừng lại ở diện rộng, thiếu chiều sâu, do đó vẫn còn tư tưởng ỷ lại vào ngân sách nhà nước trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

- Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn chuyển dịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển còn mang tính tự phát cao, kinh tế hộ vẫn là hình thức chủ yếu; việc áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất chưa nhiều, mô hình sản xuất công nghệ cao còn ít.

*-* Chất lượng tăng trưởng ngành nông nghiệp chưa cao, thiếu bền vững; các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản chưa gắn kết chặt chẽ với vùng nguyên liệu; liên kết sản xuất – tiêu thị còn nhiều hạn chế, tình trạng “được mùa mất giá” vẫn diễn ra.

- Hợp tác xã, tổ hợp tác còn non yếu, chưa làm tốt vai trò liên kết, hỗ trợ kinh tế hộ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Chưa có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, nhất là ở các huyện vùng Đồng Tháp Mười.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng công nghiệp – dịch vụ, giảm dần nông nghiệp, ngày càng nhiều lao động trẻ từ nông thôn lên thành phố tìm việc làm hoặc tập trung vào các khu, cụm công nghiệp dẫn đến thiếu hụt lao động nông nghiệp. Trong khi cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp còn thấp, chỉ tập trung ở cây lúa với các khâu như: Làm đất, thu hoạch và sấy khô.

- Hệ thống hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện,... chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp.

**3. Bài học kinh nghiệm**

*Thứ nhất*, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân, doanh nghiệp để triển khai các kế hoạch một cách hiệu quả; đồng thời, lựa chọn mô hình phát triển phù hợp và hiệu quả để triển khai nhân rộng để nâng cao sự tin tưởng của người dân.

*Thứ hai,* cấp ủy và chính quyền địa phương phải nghiên cứu nắm vững mục tiêu, yêu cầu, ý nghĩa của Nghị quyết để có kế hoạch thực hiện tuyên truyền, tổ chức triển khai có hiệu quả. Xác định đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn dân, đó cũng là thời cơ thuận lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn, chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

*Thứ ba*, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của cán bộ, công chức, đảng viên, sự tham gia tích cực của các đoàn thể, các tổ chức xã hội làm đơn vị hạt nhân để tuyên truyền, vận động người dân thực hiện; các cấp ủy chính quyền phải gắn bó, sâu sát với dân nhằm kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng của họ. Từ đó tạo được cảm xúc, khích lệ người dân phấn đấu lao động sản xuất giỏi để nâng cao thu nhập cho bản thân và góp phần xây dựng nông thôn.

*Thứ tư,* phải có chương trình đột phá và tập trung nguồn lực thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả để tạo sức lan tỏa trong phát triển kinh tế - xã hội. Chú trọng việc sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm, xây dựng mô hình chỉ đạo điểm để nhân rộng.

*Thứ năm,* đa dạng hóa nguồn lực đầu tư; trong đó, nguồn lực từ cộng đồng là yếu tố quyết định, nguồn vốn ngân sách chỉ đầu tư cho các công trình thiết yếu để tạo động lực và niềm tin cho toàn xã hội và người dân tham gia./.

1. () Đã xây dựng 71 mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất lúa, với diện tích 16.381 ha; 59 mô hình rau, với tổng diện tích 1.754,3 ha đã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất rau; 14 mô hình thanh long với diện tích 2.248,7 ha đã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Mô hình lúa: Tiết kiệm được chi phí từ 1,5 - 2,5 triệu đồng/ha, lợi nhuận cao hơn từ 2 - 4 triệu đồng/ha so với sản xuất ngoài mô hình. Mô hình rau: Giảm được lượng phân sử dụng, giảm số lần sử dụng thuốc BVTV,…, năng suất tăng 5 - 20 %, lợi nhuận cao hơn từ 2 - 5 triệu đồng/1.000 m2 so với so với cách trồng theo phương pháp truyền thống, sản phẩm được kiểm tra đạt an toàn; Mô hình thanh long: Nông dân tiết kiệm được 80% công lao, tiết kiệm điện, lượng nước sử dụng, tăng hiệu quả hấp thu phân bón,….. [↑](#footnote-ref-2)